TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Phương T1, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2024, các văn bản kèm theo bà Trần Phương T1 trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2018, bà Trần Phương T1 và ông Bùi Văn T2 kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà T1 và ông T2 thường xuyên cãi vả, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cải, bà và ông T2 có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Bà T1 xác định là cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2021. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà T1 không thể đoàn tụ gia đình với ông T2, nay bà T1 cương quyết ly hôn với ông T2 và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Bùi Văn T2.

Về con chung: Có một người con chung tên Bùi Gia K(giới tính nam), sinh ngày 26/11/2018. Hiện tại Bùi Gia Kdo ông T2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng Bùi Gia Kvà không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc nên việc đi lại khó khăn, bà Trần Phương T1 xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/4/2024 ông Bùi Văn T2 trình bày:

Ông Bùi Văn T2 thống nhất phần trình bày của bà Trần Phương T1 về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, đồng thời ông thống nhất tất cả các yêu cầu của bà T1. Do cuộc sống làm ăn không về được để giải quyết việc ly hôn nên ông Bùi Văn T2 xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Trần Phương T1 ly hôn với ông Bùi Văn T2; Về con chung: Có một người con chung tên Bùi Gia K(giới tính nam), sinh ngày 26/11/2018. Khi ly hôn bà T1 yêu cầu nuôi dưỡng Bùi Gia Khiêm. Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Ông T2 đồng ý giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng nên giao cho bà T1 nuôi dưỡng nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Bùi Văn T2 và bà Trần Phương T1 xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2018, bà Trần Phương T1 và ông Bùi Văn T2 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Trần Phương T1 và ông Bùi Văn T2 xác định không còn tình cảm dành cho nhau. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Trần Phương T1 và ông Bùi Văn T2 đã và đang trong tình trạng trầm trọng, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng mà không thể hòa giải hàn gắn được. Xét cho bà Trần Phương T1 ly hôn với ông Bùi Văn T2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có một người tên là Bùi Gia K (giới tính nam), sinh ngày 26/11/2018. Khi ly hôn bà T1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông T2 thống nhất giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng nên giao cho bà Trần Phương T1 nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Trần Phương T1 không yêu cầu ông Bùi Văn T2 cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Phương T1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Phương T1 ly hôn với ông Bùi Văn T2.

2. Về con chung: Giao Bùi Gia K(giới tính nam), sinh ngày 26/11/2018 cho bà Trần Phương T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Phương T1 về việc không yêu cầu ông Bùi Văn T2 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Phương T1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Phương T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000506 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Trần Phương T1 và ông Bùi Văn T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã N,
huện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng